

Số: 10 /NQ-HĐND

Bắc Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân
xã Bắc Quang khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ BẮC QUANG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15, ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13, ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH, ngày 12/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH, ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Bắc Quang tại Tờ trình số 08/TTr- TTHĐND, ngày 21 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này có Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân xã Bắc Quang khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao các phòng, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu và Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ kể từ ngày ký.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, các phòng, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- TT Văn hóa, Thông tin và Du lịch khu vực Bắc Quang (đăng tin);
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VP.. *Hangp*

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND XÃ
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Hiệp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ BẮC QUANG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Làm việc của Hội đồng nhân dân xã Bắc Quang

Khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40 /NQ-HĐND
ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Bắc Quang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ công tác của của Hội đồng nhân dân xã (viết tắt là HĐND), Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Việc tổ chức kỳ họp HĐND và quy định các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Bắc Quang khóa I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và chế độ làm việc

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.

2. Làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số, đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã; ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân xã

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân thực hiện theo Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, cụ thể:

1. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân xã gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

3. Các Ban Hội đồng nhân dân xã, gồm: Ban Kinh tế - Ngân sách và Ban Văn hóa – Xã hội.

Số lượng, cơ cấu thành viên các Ban gồm: 01 Trưởng ban (hoạt động kiêm nhiệm), 01 Phó trưởng ban (hoạt động chuyên trách) và các ủy viên.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã quyết định các vấn đề theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của HĐND xã; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Hội đồng nhân dân xã làm việc theo chế độ Hội nghị và quyết định theo đa số; phát huy trách nhiệm của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND xã.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã

Thực hiện theo Điều 21, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025, cụ thể:

1. Trong tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế-xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp mình;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân cùng cấp;

g) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

3. Trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiết xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán

ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

c) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công; quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng, phúc lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định biện pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã;

đ) Quyết định chương trình, biện pháp hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4. Trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; biện pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp mình trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn;

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông; biện pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

6. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao:

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người

khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

7. Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số, tín đồ tôn giáo trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

8. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương.

9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, cụ thể:

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân xã giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở xã thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại xã.

5. Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân; xem xét kết quả giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu Hội đồng nhân dân; tổng hợp chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Tổ chức đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân theo quy định của pháp luật; đôn đốc, giám sát và xem xét tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân; tổng hợp ý kiến, đề xuất, kiến nghị của Nhân dân để báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Quyết định số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân xã. Phê chuẩn danh sách và việc cho thôi làm Phó Trưởng ban, Ủy viên của Ban của Hội đồng nhân dân xã trong số đại biểu Hội đồng nhân dân theo đề nghị của Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân.

8. Thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

9. Quyết định việc đưa ra Hội đồng nhân dân hoặc đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Báo cáo về hoạt động của Hội đồng nhân dân xã đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; mỗi năm 02 lần thông báo đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã về hoạt động của Hội đồng nhân dân.

12. Ban hành nghị quyết và các văn bản hành chính khác về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật.

13. Trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp, Thường trực Hội đồng nhân dân được quyết định các nội dung sau đây và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất:

a) Biện pháp giải quyết các công việc đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn;

b) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân được quy định tại Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2022, cụ thể:

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tọa các phiên họp của Hội đồng nhân dân, bảo đảm thi hành các quy định về hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân, các quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân;

b) Lãnh đạo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân; chỉ đạo việc chuẩn bị dự kiến chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân;

c) Thay mặt Thường trực Hội đồng nhân dân giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, các cơ quan nhà nước, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp, các tổ chức xã hội khác và Nhân dân;

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực Hội đồng nhân dân phân công; tham gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký chứng thực Nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 9. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực Hội đồng nhân dân. Tại phiên họp, Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân họp thường kỳ mỗi tháng một lần (*vào tuần cuối cùng của tháng hoặc theo yêu cầu giải quyết công việc*). Khi xét thấy cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân có thể họp đột xuất theo đề nghị của

Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân tham dự.

3. Chủ tịch Hội đồng nhân dân quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân; nếu Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân được Chủ tịch Hội đồng nhân dân ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do đặc biệt không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

5. Đại diện Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Lãnh đạo, công chức thuộc Ủy ban nhân dân xã, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội xã, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân khi bàn về vấn đề có liên quan.

7. Ủy ban nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 10. Tiếp công dân của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân; xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của xã; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân; bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân.

2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân công dân vào ngày mùng 5 hàng tháng (*nếu trùng vào ngày lễ, ngày nghỉ thì chuyển sang ngày hôm sau*). Chủ tịch Hội đồng nhân dân có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch Hội đồng nhân dân phải bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

Điều 11. Giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân

1. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của các Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan khác ở địa phương

2. Xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã.

3. Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát chuyên đề và giám sát thường kỳ.

5. Tổ chức hoạt động chất vấn, giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

7. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.

3. Giúp Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân xã trong các lĩnh vực phụ trách; giám sát văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách. Thực hiện hoạt động giám sát theo quy định từ Điều 76 đến Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực phụ trách do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công.

5. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Ban của Hội đồng nhân dân chịu trách nhiệm trong các lĩnh vực phụ trách của mình và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân; trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực Hội đồng nhân dân.

7. Phân công nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm cho các thành viên trong Ban của mình.

8. Các Ban Hội đồng nhân dân xã còn có những nhiệm vụ quyền hạn sau:

a) Yêu cầu Ủy ban nhân dân, các cơ quan đơn vị, các tổ chức xã hội ở xã, các thôn cung cấp những thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến hoạt động giám

sát, khảo sát.... Yêu cầu các cơ quan trên báo cáo bằng văn bản về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

b) Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Ban Hội đồng nhân dân có trách nhiệm giúp Thường trực Hội đồng nhân dân xã nghiên cứu và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân; giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

c) Khi có thông tin về các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực Ban phụ trách thì Ban có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình. Trong trường hợp cần thiết Ban có thể tổ chức Đoàn giám sát để làm rõ vụ việc.

d) Kiến nghị với Hội đồng nhân dân xã những vấn đề cần thiết liên quan đến lĩnh vực Ban phụ trách khi phát hiện những vấn đề sai phạm, thiếu sót cần khắc phục, những chủ trương, biện pháp cần phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

đ) Kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn bổ sung hoặc thay đổi các thành viên của Ban.

Điều 13. Hoạt động thẩm tra

1. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, tờ trình được thực hiện theo Điều 78 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

2. Các Ban phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo kết quả thẩm tra các văn bản trình tại kỳ họp.

3. Sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, các Ban có trách nhiệm phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân và các cơ quan, hữu quan, Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân chỉnh lý dự thảo nghị quyết theo lĩnh vực Ban phụ trách trước khi trình Chủ tịch HĐND xã ký ban hành.

4. Nội dung thẩm tra phải nêu được ý kiến đánh giá của Ban về báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết; những vấn đề được Ban nhất trí, không nhất trí và các ý kiến khác nhau; những nội dung cần đề nghị sửa đổi, bổ sung; các căn cứ đồng tình, không đồng tình theo phản biện của Ban.

5. Trưởng ban có trách nhiệm báo cáo Thường trực HĐND xã về kết quả thẩm tra của các Ban về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Thường trực HĐND xem xét.

Điều 14. Hoạt động giám sát

1. Các Ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện hoạt động giám sát theo quy định từ Điều 76 đến Điều 82 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

2. Ngoài ra, các Ban Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia khảo sát, giám sát hoặc tổ chức đoàn khảo sát, giám sát về các lĩnh vực của Ban khi các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh yêu cầu.

3. Để chuẩn bị cho việc giám sát các Ban của HĐND xã phải xây dựng nội dung kế hoạch giám sát. Đồng thời phải nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị ý kiến phát biểu tại các buổi làm việc. Trước khi tiến hành giám sát phải thông báo nội dung, thành phần giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày đoàn làm việc với các thành phần chịu sự giám sát.

4. Các Ban phải báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản về các vấn đề giám sát để gửi cho các đơn vị được giám sát, Thường trực HĐND xã và các cơ quan liên quan chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giám sát, theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị theo thông báo kết quả giám sát đối với đơn vị chịu sự giám sát.

Điều 15. Chế độ làm việc của các Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Căn cứ vào chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã xây dựng chương trình công tác của Ban.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban và được Trưởng ban đồng ý.

3. Các thành viên của Ban tham gia đầy đủ các cuộc giám sát, khảo sát chuyên đề do Ban mình tổ chức. Các cuộc họp thẩm tra, giám sát của Ban chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự, khi biểu quyết phải có quá nửa số thành viên của Ban tán thành.

4. Trưởng Ban, Phó trưởng ban của các Ban ngoài nhiệm vụ quản lý, phải đảm nhiệm nhiệm vụ chuyên môn để duy trì các hoạt động thường xuyên của Ban.

5. Định kỳ sáu tháng, một năm, báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Thường trực HĐND xã tại phiên họp Thường trực HĐND xã trước khi báo cáo tại kỳ họp thường lệ giữa năm và kỳ họp thường lệ cuối năm của HĐND xã.

Điều 16. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban của Hội đồng nhân dân

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Thực hiện sự chỉ đạo, phân công, phối hợp, điều hòa của Thường trực HĐND xã trong các hoạt động HĐND xã.

3. Ban của Hội đồng nhân dân cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Ủy ban nhân dân xã, cơ quan, tổ chức hữu quan ở xã có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban của Hội đồng nhân dân yêu cầu.

Chương V

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 17. Tổ đại biểu HĐND xã

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025, các đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được bầu ở các đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Thường trực HĐND xã thành lập Tổ đại biểu, xác định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân của Tổ đại biểu, phân công Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND xã

1. Căn cứ chương trình hoạt động hàng năm của HĐND xã, Thường trực HĐND xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu HĐND xã xây dựng chương trình hoạt động theo từng quý, 6 tháng và năm; chương trình hoạt động của các Tổ đại biểu HĐND được gửi đến đại biểu HĐND xã và cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác.

2. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND xã. Tham gia các đoàn giám sát của Thường trực và các Ban của HĐND xã; giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và trả lời chất vấn của UBND xã và các ngành theo lĩnh vực.

3. Tham gia thảo luận đóng góp ý kiến vào các nội dung báo cáo, dự thảo nghị quyết tại kỳ họp HĐND xã. Mời Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã dự họp Tổ đại biểu HĐND và tham gia ý kiến về các vấn đề có liên quan.

4. Xây dựng kế hoạch, tổ chức cho đại biểu HĐND xã tiếp công dân định kỳ tại các xã, tiếp xúc cử tri theo chỉ đạo và kế hoạch của Thường trực HĐND xã.

Điều 19. Trách nhiệm của Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên Tổ đại biểu HĐND xã

1. Tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm:

a) Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân xã và Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

b) Chủ trì điều hành các phiên họp Tổ; thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực Hội đồng nhân dân xã;

c) Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, các đơn vị có liên quan.

2. Tổ phó Tổ đại biểu HĐND xã giúp Tổ trưởng thực hiện những việc được phân công và chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng về những nhiệm vụ được phân công.

3. Thành viên Tổ đại biểu có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Tổ, thực hiện các nhiệm vụ được Tổ trưởng phân công.

Điều 20. Chế độ hội họp của Tổ đại biểu HĐND xã

1. Trước mỗi kỳ họp thường lệ của HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã tổ chức tiếp xúc cử tri, cử người làm thư ký ghi chép tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri, phân loại, tổng hợp gửi về Thường trực HĐND xã.

2. Trước mỗi kỳ họp của HĐND xã, các Tổ họp để thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết trình tại kỳ họp HĐND xã; thống nhất nội dung, đăng ký đại biểu phát biểu thảo luận, chất vấn tại kỳ họp HĐND xã, phiên họp của Thường trực HĐND xã.

3. Cuối năm Tổ đại biểu HĐND tổ chức họp để kiểm điểm và xếp loại hoạt động của các đại biểu HĐND và Tổ đại biểu HĐND. Báo cáo kết quả về Thường trực HĐND xã trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, đồng thời gửi cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác. Khi họp Tổ đại biểu HĐND xã, Tổ đại biểu mời Thường trực HĐND xã và Văn phòng HĐND và UBND xã dự. Các cuộc họp Tổ đại biểu HĐND xã đều được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực HĐND xã.

Điều 21. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu

1. Tổ đại biểu tổ chức đề đại biểu HĐND xã giám sát việc thi hành pháp luật trên địa bàn theo quy định tại Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Căn cứ chương trình giám sát của HĐND xã và tình hình thực tế ở địa phương, Tổ đại biểu HĐND xã chọn nội dung giám sát, thời gian, cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát, đề nghị Thường trực HĐND xã ra quyết định thành lập Đoàn giám sát của Tổ đại biểu HĐND xã.

3. Căn cứ quyết định thành lập Đoàn giám sát của Thường trực HĐND xã, Tổ đại biểu HĐND xã xây dựng kế hoạch giám sát. Kế hoạch giám sát của Đoàn giám sát do Trưởng Đoàn ký tên và được đóng dấu của HĐND xã. Kế hoạch giám sát được gửi cùng với quyết định thành lập Đoàn giám sát đến các cơ quan, tổ

chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát.

4. Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Tổ đại biểu báo cáo kết quả giám sát với Thường trực HĐND xã. Báo cáo kết quả giám sát do Trưởng đoàn giám sát ký tên.

Thường trực HĐND xã xem xét báo cáo của Đoàn giám sát và thông báo kết quả giám sát đến các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Tổ đại biểu của HĐND xã có trách nhiệm theo dõi kết quả các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải quyết kiến nghị của Đoàn giám sát.

Điều 22. Trách nhiệm Tổ đại biểu HĐND trong việc tiếp xúc cử tri

1. Căn cứ vào Kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND xã, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND có trách nhiệm phối hợp với Ban công tác mặt trận thôn phân công nhiệm vụ cho các đại biểu trong Tổ đại biểu HĐND xã thông báo với cử tri về dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp; kết quả kỳ họp; thu thập và tổng hợp ý kiến, kiến nghị phản ánh của cử tri báo cáo với Thường trực HĐND xã chậm nhất là 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp và sau kỳ họp theo đề nghị của Thường trực HĐND xã.

2. Tổ đại biểu HĐND xã theo dõi, đôn đốc, giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri để thông tin cho cử tri biết.

Chương VI

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

CỦA ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

Theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 thì đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân, các cơ quan, tổ chức hữu quan; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tiếp công dân; tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền đề xuất sáng kiến xây dựng chính sách ở địa phương; quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu, tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp kín hoặc phiên họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

6. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật này. Người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách những người ứng cử.

7. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên khác của Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

8. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

9. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

10. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc của Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian Hội đồng nhân dân không họp. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị

tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo đề Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

Chương VII

KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 24. Thời điểm tổ chức kỳ họp

1. HĐND xã họp thường kỳ mỗi năm ít nhất 2 lần. Kỳ họp thường lệ giữa năm được tổ chức trước ngày 30 tháng 6, kỳ họp thường lệ cuối năm được tổ chức trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Kỳ họp chuyên đề của HĐND xã tổ chức theo đề nghị của Thường trực HĐND xã, Chủ tịch UBND xã hoặc khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND xã yêu cầu; thời điểm họp do Thường trực HĐND xã quyết định.

3. Hội đồng nhân dân họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã hoặc yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã thì Hội đồng nhân dân quyết định họp kín.

Điều 25. Chuẩn bị và triệu tập kỳ họp HĐND xã

1. Căn cứ vào chương trình công tác năm và nghị quyết tổ chức các kỳ họp thường lệ đồng thời xem xét, phân công cơ quan, tổ chức chuẩn bị các nội dung, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và thời hạn trình HĐND xã; chỉ đạo các Ban của HĐND thẩm tra các nội dung, dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án sẽ trình tại kỳ họp.

2. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND, cơ quan trình dự thảo Nghị quyết, báo cáo phải gửi hồ sơ đến Ban của HĐND được phân công thẩm tra để thẩm tra. Hồ sơ gửi thẩm tra đối với dự thảo Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; dự thảo Nghị quyết là văn bản áp dụng pháp luật phải gửi kèm: Tờ trình, báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Nghị quyết và các tài liệu khác theo yêu cầu của các Ban HĐND xã.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan của kỳ họp đến đại biểu HĐND; thông báo quyết định triệu tập và dự kiến chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin ở xã chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân cùng với quyết định triệu tập kỳ họp.

Điều 26. Khách mời tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được bầu tại xã.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân xã không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân xã được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân; có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của Hội đồng nhân dân khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách, được tham gia phát biểu ý kiến về vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực mà mình phụ trách nếu được chủ tọa phiên họp đồng ý hoặc có trách nhiệm phát biểu ý kiến theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân hoặc chủ tọa phiên họp.

3. Đại diện cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân khi bàn về các vấn đề có liên quan.

4. Đại diện đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, cơ quan báo chí và công dân có thể được tham dự các phiên họp công khai của Hội đồng nhân dân.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định việc mời khách mời dự các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 27. Trách nhiệm của chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa phiên họp Hội đồng nhân dân, và phiên họp chất vấn bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân trong Việc điều hành phiên họp, chủ trì thảo luận theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Điều 28. Thảo luận tại kỳ họp

1. Chủ tọa phiên họp điều hành Việc thảo luận của đại biểu HĐND xã;

a) Đại biểu HĐND xã phát biểu tập trung vào vấn đề đang thảo luận, không phát biểu quá 02 lần về cùng một vấn đề; thời gian phát biểu không quá 5 phút. Trường hợp HĐND xã cần thảo luận thêm thì thời gian và số lần phát biểu do Chủ tọa phiên họp quyết định;

b) Trường hợp do hết thời gian, đại biểu HĐND xã chưa được phát biểu hoặc phát biểu nhưng chưa hết ý kiến, đề nghị đại biểu ghi lại ý kiến của mình và gửi Thư ký kỳ họp để tổng hợp.

2. Thảo luận các nội dung còn có ý kiến khác nhau: Trên cơ sở kết quả thảo luận tổ, chủ tọa kỳ họp nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để kỳ họp tiếp tục thảo luận, xem xét, quyết định. Khi cần thiết, chủ tọa kỳ họp yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo giải trình về những vấn đề mà đại biểu HĐND xã quan tâm. Các nội dung thảo luận tại phiên họp toàn thể được thư ký kỳ họp ghi vào biên bản phiên họp HĐND xã.

Điều 29. Chất vấn tại kỳ họp

1. Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, đại biểu HĐND xã ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND xã.

Trong thời gian diễn ra kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND xã ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND xã (*qua thư ký kỳ họp*) trước phiên họp chất vấn.

2. Mỗi lần chất vấn, đại biểu HĐND nêu chất vấn không quá 05 phút; người bị chất vấn trả lời chất vấn của một đại biểu không quá 10 phút; thời gian thảo luận từ 05 – 07 phút. Trường hợp cần thiết, Chủ tọa quyết định Việc kéo dài thời gian trả lời chất vấn.

Chủ tọa có quyền nhắc trong trường hợp đại biểu HĐND nêu chất vấn không đúng nội dung phiên chất vấn hoặc quá thời gian quy định, người bị chất vấn trả lời không đúng trọng tâm chất vấn của đại biểu HĐND hoặc quá thời gian quy định.

3. Trình tự chất vấn tại kỳ họp thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

4. Căn cứ vào kết quả trả lời chất vấn, HĐND có thể ban hành nghị quyết về chất vấn; nội dung nghị quyết theo quy định tại Khoản 5 Điều 15 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

Điều 30. Biểu quyết tại Kỳ họp

1. Hội đồng nhân dân xã quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết hoặc giơ tay;
- b) Biểu quyết bằng bỏ phiếu kín.

2. Trình tự biểu quyết tại phiên họp được tiến hành như sau:

- a) Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung vấn đề HĐND xã cần biểu quyết;

b) Đại biểu HĐND xã biểu quyết;

c) Chủ tọa phiên họp báo cáo kết quả biểu quyết bằng thẻ biểu quyết hoặc giơ tay. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu trong trường hợp biểu quyết bằng Lỗ phiếu kín khi thực hiện bầu các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐND xã.

3. Việc tiến hành biểu quyết được thực hiện theo nguyên tắc trực tiếp, đại biểu HĐND xã không biểu quyết thay đại biểu HĐND xã khác. Đại biểu HĐND xã có quyền biểu quyết nhất trí, không nhất trí hoặc từ bỏ quyền biểu quyết. Trong trường hợp phải tổ chức kỳ họp theo hình thức trực tuyến thì Việc biểu quyết của đại biểu HĐND xã có giá trị pháp lý như hình thức biểu quyết tại kỳ họp trực tiếp.

4. Trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được HĐND xã biểu quyết thông qua nhưng chưa có hiệu lực thi hành thì HĐND xã xem xét, quyết định Việc biểu quyết lại bằng hình thức giơ thẻ hoặc giơ tay. Việc biểu quyết lại được tiến hành khi có quá nửa tổng số đại biểu HĐND xã nhất trí.

Điều 31. Trách nhiệm Thư ký kỳ họp của Hội đồng nhân dân

Chủ tọa kỳ họp giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện công tác Thư ký kỳ họp, gồm các nội dung sau đây:

1. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.
2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp, phiên thảo luận Tổ.
3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và cuộc họp Tổ thảo luận tại kỳ họp.
4. Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.
5. Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 32. Tài liệu phục vụ kỳ họp

1. Tài liệu phục vụ kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trình ký ban hành, trường hợp khuyết người đứng đầu thì sẽ do cấp phó ký ban hành và được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân qua Văn phòng Hội đồng nhân dân để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân theo thời hạn quy định. chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, 2 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề.

Tài liệu chính thức được lưu hành bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể cung cấp thông tin, tài liệu khác liên quan đến nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân xã nếu đại biểu Hội đồng nhân dân xã có yêu cầu.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định chế độ quản lý và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân đối với các loại văn bản (văn bản thu hồi, văn bản mật...) và tài liệu khác phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các tài liệu phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân xã phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Ban của Hội đồng nhân dân xã được phân công thẩm tra theo quy định.

5. Nghị quyết, văn bản, các tài liệu khác của mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 33. Những hoạt động sau khi kết thúc kỳ họp

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo xây dựng và hoàn chỉnh các văn bản sau:

a) Ban của HĐND xã đã thẩm tra dự thảo nghị quyết có trách nhiệm hoàn chỉnh nghị quyết đó sau khi đã được HĐND xã thông qua. Phó Chủ tịch HĐND xã có trách nhiệm kiểm tra văn bản trước khi trình Chủ tịch HĐND hoặc chủ tọa kỳ họp ký chứng thực.

b) Công chức Văn phòng HĐND và UBND xã xây dựng đề cương báo cáo kết quả kỳ họp gửi đại biểu Hội đồng nhân dân xã chậm nhất 02 ngày làm việc sau ngày bế mạc kỳ họp để đại biểu làm tư liệu báo cáo với cử tri.

2. Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND xã có trách nhiệm gửi nghị quyết, báo cáo, đề án, biên bản của kỳ họp lên Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

3. Nghị quyết của HĐND xã được gửi đến các cơ quan liên quan để thực hiện, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghị quyết của HĐND xã; tích cực giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND xã; đôn đốc việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cử tri và đôn đốc thực hiện các nội dung sau giám sát, sau chất vấn.

Chương VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 34. Mối quan hệ công tác với các cơ quan của tỉnh

1. Thường trực HĐND xã giữ mối quan hệ công tác với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các phòng, ban ngành của tỉnh.

2. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã phối hợp và tạo điều kiện cho Đoàn đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND các cấp, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các phòng, ban, ngành khi đến làm việc ở xã.

Điều 35. Mối quan hệ công tác với Đảng ủy

1. HĐND xã chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy đối với hoạt động của HĐND xã; báo cáo Đảng ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND xã; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND xã bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HĐND xã.

2. Thông qua hoạt động của mình, HĐND xã kiến nghị với Đảng ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Đảng ủy về phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 36. Mối quan hệ công tác với UBND xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã

1. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã giữ mối quan hệ công tác với UBND xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã trong chuẩn bị và tổ chức kỳ họp HĐND xã, phiên họp Thường trực HĐND xã, tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, giám sát, khảo sát, phối hợp giải quyết công Việc giữa hai kỳ họp HĐND xã.

2. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND xã cần giải quyết giữa hai kỳ họp của HĐND xã thì Thường trực HĐND xã phối hợp với UBND xã, cơ quan có liên quan xem xét, quyết định và báo cáo HĐND xã tại kỳ họp gần nhất.

3. HĐND xã có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội.

4. UBND xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã mời Thường trực HĐND và Ban của HĐND xã tham dự một số hoạt động của UBND xã, Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội xã để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

Chương IV

CÔNG TÁC BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 37. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được bố trí từ ngân sách nhà nước, do Hội đồng nhân dân xã quyết định trên cơ sở đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân xã theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 38. Công tác thi đua, khen thưởng

1. Khen thưởng thường xuyên: Đại biểu HĐND xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng hiện hành.

2. Khen chuyên đề: Trong nhiệm kỳ 2021-2026, Thường trực HĐND xã tiến hành bình xét thi đua, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng cho các tập thể và đại biểu HĐND xã vào dịp tổng kết nhiệm kỳ đại biểu HĐND.

Điều 39. Công tác tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động HĐND xã

Văn phòng HĐND và UBND xã tham mưu, giúp Việc, phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND xã và bảo đảm điều kiện phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND xã theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Các điều kiện bảo đảm khác

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đại biểu HĐND xã được cung cấp các tài liệu của kỳ họp HĐND xã; các nghị quyết của HĐND xã và các tài liệu cần thiết khác.

2. Đại biểu HĐND xã được đi trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động HĐND ở các xã trong tỉnh và ngoài tỉnh theo quy định.

Chương X

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 41. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND xã, các Ban của HĐND xã, đại biểu HĐND xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của xã hoặc để phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Thường trực HĐND xã có trách nhiệm trình HĐND xã xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.